

SANDBOX TÀI CHÍNH: KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ KHUYẾN NGHỊ CHO VIỆT NAM

Nguyễn Phương Nga¹

Email: Nguyenphuongnga@fbu.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 30/09/2025

Ngày phản biện đánh giá: 30/10/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 17/11/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.972

Tóm tắt: Nghiên cứu phân tích cơ chế sandbox tài chính như một công cụ chính sách linh hoạt nhằm cân bằng giữa thúc đẩy đổi mới sáng tạo và đảm bảo giám sát pháp lý trong lĩnh vực tài chính. Trên cơ sở tổng hợp các khung lý thuyết về đổi mới sáng tạo, điều tiết linh hoạt, quản trị rủi ro và chính sách công, bài viết phân tích kinh nghiệm triển khai sandbox tại Anh, Singapore, Úc và Hàn Quốc những quốc gia tiên phong trong lĩnh vực này. Kết quả chỉ ra rằng, sandbox tài chính phát huy hiệu quả khi hội tụ ba điều kiện then chốt: (i) thiết kế linh hoạt và thích ứng; (ii) quy trình vận hành minh bạch, có thể dự đoán; (iii) gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển quốc gia. Nghiên cứu đánh giá thực trạng sandbox tại Việt Nam, từ khi manh nha ý tưởng năm 2019 đến khi ban hành Nghị định số 94/2025/NĐ-CP khuôn khổ thử nghiệm có kiểm soát đầu tiên cho FinTech, gồm các lĩnh vực như P2P Lending, Open API và chấm điểm tín dụng. Từ đó, bài viết đề xuất các khuyến nghị chính sách nhằm mở rộng phạm vi, hoàn thiện cơ chế vận hành và nâng cao năng lực giám sát, hướng tới việc định vị sandbox như một công cụ chính sách chiến lược trong kỷ nguyên tài chính số.

Từ khóa: sandbox tài chính, đổi mới sáng tạo, fintech, chính sách tài chính, Việt Nam

I. Đặt vấn đề

Hệ thống tài chính ngân hàng toàn cầu đang chịu tác động mạnh mẽ của quá trình toàn cầu hóa và chuyển đổi số, với sự bùng nổ của các mô hình kinh doanh dựa trên công nghệ, đặc biệt là công nghệ tài chính. Sự phát triển này không chỉ mở rộng khả năng tiếp cận tài chính và nâng cao hiệu quả hoạt động, mà còn đặt ra thách thức lớn trong quản lý rủi ro, bảo

vệ người tiêu dùng và bảo đảm ổn định thị trường.

Trong bối cảnh đó, nhiều quốc gia đã triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát như một công cụ chính sách linh hoạt, dung hòa giữa yêu cầu đổi mới sáng tạo và giám sát pháp lý. Sandbox cho phép thử nghiệm các sản phẩm, dịch vụ tài chính mới trong phạm vi và thời gian giới hạn, dưới sự giám sát của cơ quan quản lý, qua

¹ Trường Đại học Tài chính Ngân hàng Hà Nội

đó khuyến khích sáng tạo nhưng vẫn bảo đảm kiểm soát rủi ro hệ thống.

Tại Việt Nam, ý tưởng sandbox được đề cập từ năm 2019 với dự thảo của Ngân hàng Nhà nước, tập trung vào P2P lending, chấm điểm tín dụng và dịch vụ thanh toán. Đến tháng 4/2025, Chính phủ ban hành Nghị định 94/2025/NĐ-CP, đánh dấu bước tiến quan trọng trong hoàn thiện hành lang pháp lý cho đổi mới tài chính. Tuy nhiên, cơ chế này hiện còn hạn chế về phạm vi áp dụng, tốc độ triển khai và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng.

Trước thực tiễn đó, nghiên cứu này hướng đến việc phân tích cơ sở lý luận, kinh nghiệm quốc tế và thực trạng triển khai sandbox tại Việt Nam, từ đó đề xuất các khuyến nghị chính sách nhằm hoàn thiện cơ chế thử nghiệm có kiểm soát, qua đó thúc đẩy đổi mới sáng tạo và tăng cường năng lực cạnh tranh của hệ thống tài chính Việt Nam trong kỷ nguyên số.

II. Cơ sở lý thuyết

Khái niệm sandbox trong lĩnh vực tài chính được nhiều tổ chức tiếp cận theo những góc nhìn khác nhau. FCA (2015) định nghĩa đây là cơ chế cho phép doanh nghiệp triển khai sản phẩm, dịch vụ mới trong một môi trường thử nghiệm có kiểm soát, giới hạn về thời gian và phạm vi, nhằm giảm bớt rào cản pháp lý và chi phí tuân thủ ban đầu. Theo MAS (2016), sandbox là khuôn khổ cho phép các công ty fintech thử nghiệm sáng kiến trong phạm vi và quy mô nhất định, đồng thời phải bảo đảm an toàn hệ thống và quyền lợi người tiêu dùng. OECD (2020) tiếp cận sandbox như một công cụ chính sách linh hoạt, tạo điều kiện để cơ quan quản lý vừa theo dõi tác động của đổi mới, vừa kịp thời điều chỉnh quy định nhằm cân bằng giữa khuyến khích sáng tạo và kiểm soát rủi ro.

Tại Việt Nam, Nghị định 94/2025/NĐ-CP lần đầu tiên quy định cơ chế thử nghiệm có kiểm soát cho một số lĩnh vực fintech như P2P lending, chấm điểm tín dụng và Open API. Đây được coi là bước đi quan trọng trong việc thể chế hóa sandbox và tạo hành lang pháp lý cho đổi mới tài chính.

Từ các quan điểm trên có thể rút ra rằng, dù cách diễn đạt khác nhau, sandbox tài chính đều mang những đặc trưng cơ bản: (i) là cơ chế thử nghiệm có kiểm soát do cơ quan quản lý thiết lập; (ii) cho phép triển khai sản phẩm, dịch vụ mới trong điều kiện giới hạn về phạm vi, thời gian và đối tượng; và (iii) đồng thời theo đuổi hai mục tiêu song song là khuyến khích đổi mới sáng tạo và duy trì ổn định, an toàn hệ thống.

Sandbox tài chính không chỉ là một công cụ quản lý mang tính kỹ thuật, mà còn được xây dựng trên nền tảng nhiều lý thuyết kinh tế - quản lý khác nhau. Việc phân tích các cơ sở lý thuyết này giúp lý giải sự ra đời, cách thức vận hành và vai trò của sandbox trong hệ thống tài chính hiện đại.

Dưới góc nhìn lý thuyết đổi mới sáng tạo của Schumpeter (1934), đổi mới được coi là “động lực nội sinh” thúc đẩy phát triển kinh tế thông qua việc đưa ra sản phẩm, quy trình hoặc mô hình kinh doanh mới. Sandbox tài chính vì thế có thể được xem như một “công cụ thể chế” khuyến khích sáng tạo, khi cho phép các ý tưởng mới được thử nghiệm có giới hạn trước khi triển khai rộng rãi trên thị trường.

Lý thuyết điều tiết cho rằng chính sách tài chính được thiết kế nhằm cân bằng giữa hiệu quả thị trường và bảo vệ lợi ích công. Baldwin và cộng sự (2012) nhấn mạnh điều tiết hiện đại cần mang tính “linh hoạt” thay vì “áp đặt cứng nhắc”.

Sandbox là một hình thức “điều tiết mềm” cho phép nhà quản lý quan sát hành vi thị trường, thử nghiệm các cơ chế giám sát, từ đó có cơ sở thực tiễn để điều chỉnh chính sách phù hợp.

Lý thuyết quản trị rủi ro tài chính (Jorion, 2007) coi trọng việc nhận diện, đo lường và kiểm soát rủi ro đối với hệ thống và người tham gia Sandbox tạo ra môi trường thử nghiệm an toàn, với giới hạn về thời gian, phạm vi và đối tượng, giúp cơ quan quản lý đánh giá tác động thực tế của đổi mới, phát hiện sớm rủi ro tiềm ẩn và kịp thời can thiệp trước khi mở rộng trên quy mô toàn thị trường.

Theo cách tiếp cận thể chế và chính sách công (North, 1990) cho rằng thể chế là “luật chơi” định hình hành vi của các chủ thể kinh tế. Sandbox phản ánh rõ vai trò này: thay vì cấm đoán hoặc buông lỏng, nhà quản lý thiết lập một khung thử nghiệm có kiểm soát, vừa định hướng đổi mới theo quỹ đạo an toàn, vừa tạo cơ sở thực tiễn để hình thành chính sách. Từ góc nhìn chính sách công, sandbox còn được coi là công cụ thử nghiệm chính sách (policy pilot) trước khi được luật hóa chính thức.

Sandbox tài chính đã được nhiều học giả và tổ chức quốc tế xem như công cụ điều tiết linh hoạt cho đổi mới tài chính. Zetzsche, Buckley, Barberis & Arner (2017) và Arner, Barberis & Buckley (2017) coi sandbox là “điều tiết thông minh”, cho phép cơ quan quản lý và doanh nghiệp cùng thử nghiệm giải pháp trong môi trường kiểm soát. Jenik & Lauer (2017) nhấn mạnh vai trò của sandbox đối với tài chính toàn diện, với điều kiện gắn chặt bảo vệ người tiêu dùng.

Các bằng chứng thực nghiệm như nghiên cứu của Cornelli et al. (2020) về

FCA sandbox tại Anh cho thấy doanh nghiệp tham gia dễ tiếp cận vốn hơn, khẳng định hiệu ứng tích cực đối với thị trường. Một số nghiên cứu trường hợp cũng cho thấy đặc thù quốc gia: Armstrong et al. (2019) nhấn mạnh mô hình “learning by doing” ở Anh; Tan & Low (2020) chỉ ra thành công của Singapore nhờ linh hoạt và thủ tục rút gọn; Lee (2021) mô tả việc Hàn Quốc mở rộng sandbox sang bảo hiểm, chứng khoán và blockchain.

Ở cấp độ chính sách, OECD (2020), World Bank (2020), IMF (2021) đều đánh giá sandbox là công cụ quan trọng để cân bằng giữa đổi mới và quản lý rủi ro, đồng thời khuyến nghị các nền kinh tế mới nổi áp dụng một cách thận trọng và phù hợp thể chế.

Ở Việt Nam, nghiên cứu về sandbox tài chính mới chỉ xuất hiện trong vài năm gần đây. Phạm Đức Anh & Nguyễn Nhật Minh (2022) trong bài “*Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực Fintech: Một số khuyến nghị nhìn từ thực tiễn của Anh và Singapore*” đã phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn triển khai sandbox tại các quốc gia tiên phong, từ đó đưa ra gợi ý cho Việt Nam, đồng thời chỉ ra hạn chế của khung pháp lý hiện hành.

Nguyễn Tường Vân (2022) với công trình “*Cơ chế quản lý thử nghiệm có kiểm soát với Fintech tại Việt Nam*” phân tích thực trạng xây dựng sandbox trong nước, nhấn mạnh tính cần thiết của cơ chế này nhưng cũng chỉ ra những thách thức trong triển khai. Ngoài ra, Báo cáo thường niên của CIEM (2022) khẳng định sandbox là công cụ quan trọng để thúc đẩy đổi mới sáng tạo và kiến nghị hoàn thiện hành lang pháp lý phù hợp với bối cảnh Việt Nam.

Từ tổng quan lý thuyết và các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có

thể nhận thấy rằng, hiệu quả của cơ chế sandbox tài chính không chỉ phụ thuộc vào khuôn khổ pháp lý hay năng lực công nghệ, mà còn nằm ở khả năng thiết kế thể chế phù hợp với đặc trưng đổi mới tài chính. Trên cơ sở kế thừa và tổng hợp các tiếp cận lý thuyết về đổi mới sáng tạo, điều tiết linh hoạt, quản trị rủi ro và chính sách công, có thể khái quát rằng sandbox tài chính chỉ thực sự phát huy giá trị khi được thiết kế với tính linh hoạt cao, cho phép thích ứng nhanh với sự biến động của công nghệ và thị trường; bảo đảm tính minh bạch và khả năng dự đoán, qua đó củng cố niềm tin cho doanh nghiệp trong quá trình thử nghiệm, đồng thời tạo điều kiện để cơ quan quản lý nâng cao năng lực học hỏi và điều chỉnh chính sách trên cơ sở thực tiễn giám sát đồng thời được gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển quốc gia để sandbox trở thành một công cụ chính sách chứ không chỉ là một cơ chế thí điểm kỹ thuật.

Ba yếu tố trên hình thành nền tảng lý luận cho việc phân tích kinh nghiệm quốc tế và đối chiếu với thực tiễn Việt Nam, qua đó xác định những điều kiện bảo đảm để cơ chế sandbox tài chính vận hành hiệu quả và bền vững trong bối cảnh chuyển đổi số.

III. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng cách tiếp cận định tính, dựa trên phân tích tài liệu thứ cấp, nghiên cứu so sánh trường hợp và phân tích nội dung. Các nguồn dữ liệu gồm văn bản pháp luật (Nghị định 94/2025/NĐ-CP), báo cáo của CIEM, các bài viết chuyên ngành trong nước, cùng với tài liệu quốc tế từ FCA, MAS, OECD, IMF và World Bank. Trên cơ sở đó, nghiên cứu so sánh kinh nghiệm triển khai sandbox tại Anh, Singapore, Úc và Hàn Quốc để rút ra

yếu tố thành công, hạn chế và bài học. Các kết quả được phân loại theo nhóm chủ đề chính, sau đó tổng hợp và khái quát hóa đề xuất khuyến nghị chính sách phù hợp với bối cảnh Việt Nam.

IV. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Kinh nghiệm quốc tế về sandbox tài chính

Vương quốc Anh được xem là quốc gia tiên phong trong việc thiết lập cơ chế sandbox tài chính khi Cơ quan Quản lý Tài chính (FCA) chính thức vận hành sandbox từ năm 2016. Mô hình sandbox tại Anh không chỉ tạo ra một môi trường thử nghiệm có kiểm soát, mà còn trở thành cơ chế đối thoại thể chế giữa doanh nghiệp và nhà quản lý. FCA định kỳ tổ chức các vòng thử nghiệm với tiêu chí lựa chọn khắt khe, từ đó hình thành “*cộng đồng đổi mới tài chính*” có sự tham gia đa dạng của cả các start-up công nghệ lẫn định chế tài chính truyền thống. Các nghiên cứu thực chứng (FCA, 2017) cho thấy, khoảng 90% doanh nghiệp tham gia sandbox đã thương mại hóa sản phẩm thành công, trong đó nhiều công ty khởi nghiệp nhận được vốn đầu tư mới sau giai đoạn thử nghiệm. Điểm then chốt ở đây là sandbox không đơn thuần giảm rào cản pháp lý, mà còn giúp cơ quan quản lý “học hỏi trong quá trình giám sát” qua đó hiệu chỉnh các quy định trước khi ban hành chính thức. Điều này khẳng định sandbox không chỉ là công cụ hỗ trợ đổi mới sáng tạo, mà còn là phương thức hiện đại hóa chức năng điều tiết tài chính.

Singapore tiếp cận sandbox dưới góc nhìn chiến lược quốc gia, coi đây là một thành tố trọng yếu trong việc xây dựng trung tâm tài chính công nghệ khu vực. Sandbox của Cơ quan Tiền tệ Singapore (MAS) ra đời năm 2016 được thiết kế với

nguyên tắc “*cho phép thử nghiệm có điều kiện nhưng bảo đảm an toàn hệ thống*”. MAS nhấn mạnh các tiêu chí bắt buộc như giới hạn quy mô khách hàng, thời gian thử nghiệm, và cơ chế bồi thường trong trường hợp phát sinh rủi ro cho người tiêu dùng. Năm 2019, MAS triển khai Sandbox Express một biến thể tinh gọn của sandbox truyền thống rút ngắn thời gian phê duyệt xuống còn 21-60 ngày đối với các hoạt động có mức rủi ro thấp như dịch vụ thanh toán và ví điện tử. Chính sự linh hoạt này đã giúp Singapore thu hút hàng trăm doanh nghiệp fintech quốc tế, đồng thời củng cố vị thế trung tâm tài chính công nghệ hàng đầu châu Á. Theo Tan & Low (2020), điểm mạnh căn bản của sandbox Singapore nằm ở tính dự đoán được của khung pháp lý và sự nhất quán trong thông điệp chính sách, qua đó tạo dựng niềm tin cho nhà đầu tư và doanh nghiệp.

Tại Úc, Ủy ban Chứng khoán và Đầu tư (ASIC) ban hành sandbox từ năm 2016, cho phép các doanh nghiệp fintech cung cấp dịch vụ trong phạm vi giới hạn mà không cần giấy phép đầy đủ. Năm 2020,

Úc điều chỉnh cơ chế này theo hướng mở rộng phạm vi thử nghiệm và kéo dài thời gian, phản ánh cách tiếp cận tiệm tiến và thích ứng của nhà quản lý.

Hàn Quốc lựa chọn chiến lược triển khai quy mô lớn và tốc độ nhanh. Luật Đổi mới Tài chính (2019) đã thiết lập sandbox tài chính với cơ chế “một cửa” (one-stop service), tạo điều kiện cho doanh nghiệp đăng ký và nhận phê duyệt trong thời gian ngắn. Trong hai năm đầu, hơn 100 dự án fintech được phê duyệt, tập trung vào blockchain, chấm điểm tín dụng dựa trên AI và dịch vụ ngân hàng số. Lee (2021) khẳng định, thành công của Hàn Quốc đến từ sự kết hợp giữa quyết tâm chính trị, tốc độ ra quyết định, và việc coi sandbox như công cụ thực thi chính sách đổi mới sáng tạo, chứ không chỉ đơn thuần là thí điểm kỹ thuật.

Qua phân tích các mô hình sandbox tại Vương quốc Anh, Singapore, Úc và Hàn Quốc, có thể thấy sự thành công của sandbox tài chính phụ thuộc vào việc thỏa mãn một số tiêu chí mang tính nền tảng.

Bảng 1. So sánh một số đặc điểm sandbox tài chính ở các quốc gia

Quốc gia	Năm triển khai	Cơ quan quản lý	Thời gian phê duyệt	Phạm vi thử nghiệm	Số dự án tham gia (ước tính)	Đặc điểm nổi bật
Vương Quốc Anh	2016	FCA	3-6 tháng	Đa lĩnh vực (fintech, insurtech, regtech)	> 700 dự án qua 7 vòng thử nghiệm	Mô hình cohost, đối thoại trực tiếp
Singapore	2016 (2019 Sandbox Express)	MAS	21-60 ngày	Thanh toán, blockchain, bảo hiểm số	~70 dự án (2016-2022)	Thủ tục nhanh, minh bạch, cam kết quốc gia
Úc	2016	ASIC	~1 tháng	Fintech, cho vay tiêu dùng, bảo hiểm	~50 dự án	Tiện tiến, chú trọng rủi ro thấp
Hàn Quốc	2019	FSC	1-2 tháng	Blockchain, AI tín dụng, ngân hàng số	> 100 dự án (2019-2021)	Cơ chế “một cửa”, tốc độ nhanh

(Nguồn: FCA 2017; MAS 2020; OECD 2020; Lee, 2021 & tổng hợp của tác giả)

Qua phân tích bốn mô hình sandbox tại Vương quốc Anh, Singapore, Úc và Hàn Quốc có thể nhận thấy rằng, mặc dù có sự khác biệt về thể chế, quy mô và cách thức vận hành, song các quốc gia này đều đạt được thành công khi bảo đảm được ba điều kiện nền tảng của một sandbox hiệu quả. Điểm chung là cơ chế được thiết kế linh hoạt và có khả năng thích ứng cao, cho phép nhà quản lý điều chỉnh quy định theo thực tiễn thử nghiệm; quy trình vận hành minh bạch và có thể dự đoán, tạo niềm tin cho doanh nghiệp và nhà đầu tư; cùng với đó là sự gắn kết chặt chẽ giữa sandbox và chiến lược phát triển quốc gia, thể hiện qua việc Singapore coi sandbox là công cụ xây dựng trung tâm tài chính khu vực, còn Hàn Quốc lồng ghép cơ chế này vào chương trình đổi mới quốc gia.

Như vậy, kinh nghiệm quốc tế khẳng định rằng sandbox chỉ thực sự phát huy vai trò chính sách khi được định vị không phải như một thí điểm kỹ thuật, mà là một cấu phần thể chế trong chiến lược đổi mới tài chính của mỗi quốc gia.

4.2. Thực trạng sandbox tài chính tại Việt Nam

Ý tưởng về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực fintech tại Việt Nam được khởi xướng từ năm 2019, khi Ngân hàng Nhà nước xây dựng dự thảo nghị định về sandbox. Nội dung dự thảo

tập trung vào ba mảng chính: cho vay ngang hàng (P2P Lending), chấm điểm tín dụng và dịch vụ thanh toán điện tử. Tuy nhiên, dự thảo chỉ dừng lại ở định hướng, chưa được ban hành do thiếu cơ chế phối hợp liên ngành và lo ngại rủi ro hệ thống.

Giai đoạn 2020-2024 chứng kiến sự trì hoãn đáng kể: trong khi nhiều quốc gia trong khu vực (Singapore, Malaysia, Hàn Quốc, Thái Lan) đã triển khai sandbox, Việt Nam vẫn ở mức thảo luận chính sách. Nguyên nhân chủ yếu bao gồm: (i) sự thận trọng quá mức của cơ quan quản lý trong bối cảnh thị trường tài chính còn non trẻ; (ii) hạn chế về năng lực dự báo và điều phối chính sách; (iii) tác động của đại dịch Covid-19 khiến ưu tiên chính sách tập trung vào ổn định kinh tế vĩ mô. Khoảng trễ này khiến nhiều cơ hội thử nghiệm bị bỏ lỡ và làm suy giảm sức hấp dẫn của Việt Nam trong mắt nhà đầu tư fintech quốc tế.

Ngày 29/4/2025, Chính phủ chính thức ban hành Nghị định số 94/2025/NĐ-CP, đánh dấu bước ngoặt thể chế hóa sandbox tại Việt Nam. Theo đó, phạm vi thử nghiệm bao gồm ba lĩnh vực: (i) P2P Lending, (ii) chấm điểm tín dụng, và (iii) chia sẻ dữ liệu qua chuẩn Open API. Thời gian thử nghiệm tối đa hai năm, có thể gia hạn một năm; Ngân hàng Nhà nước là cơ quan đầu mối tiếp nhận, thẩm định và giám sát.

Bảng 2. So sánh một số đặc điểm sandbox tại Việt Nam và quốc tế

Tiêu chí	Việt Nam (NĐ 94/2025)	Singapore (MAS)	Anh (FCA)	Hàn Quốc (FSC)
Năm triển khai	2025	2016 (Sandbox, 2019 Sandbox Express)	2016	2019
Phạm vi	P2P Lending, chấm điểm tín dụng, Open API	Thanh toán, bảo hiểm số, blockchain	Đa lĩnh vực (fintech, insurtech, regtech)	Blockchain, AI tín dụng, ngân hàng số

Tiêu chí	Việt Nam (NĐ 94/2025)	Singapore (MAS)	Anh (FCA)	Hàn Quốc (FSC)
Thời gian phê duyệt	Nhiều vòng thử tục, tối đa 2 năm thử nghiệm	21-60 ngày	3-6 tháng (theo cohort)	1-2 tháng
Cơ quan quản lý	Ngân hàng Nhà nước (một ngành)	MAS (cam kết quốc gia)	FCA (đối thoại thể chế)	FSC (cơ chế “một cửa”)
Đặc điểm nổi bật	Lần đầu thể chế hóa, phạm vi hẹp	Thủ tục nhanh, minh bạch, phân tầng	Học hỏi qua giám sát, cộng đồng đổi mới	Quyết đoán, quy mô lớn, tốc độ nhanh

Nguồn: Chính phủ Việt Nam (2025); FCA (2015, 2017); MAS (2016, 2019); Tan & Low (2020); Lee (2021).

Từ các số liệu trong Bảng 2 có thể nhận thấy, sandbox tài chính tại Việt Nam vẫn ở giai đoạn khởi tạo, chủ yếu tập trung trong lĩnh vực ngân hàng và chịu sự điều phối của một cơ quan duy nhất là Ngân hàng Nhà nước. So với mô hình đa lĩnh vực và có tính quốc gia của Anh, Singapore hay Hàn Quốc, cơ chế hiện nay của Việt Nam còn thu hẹp về phạm vi, thời gian thử nghiệm và thiếu cơ chế phối hợp liên ngành.

Về phương diện thể chế, Nghị định 94/2025/NĐ-CP đánh dấu bước tiến quan trọng trong việc hợp pháp hóa sandbox, nhưng vẫn chưa hình thành khung vận hành mang tính linh hoạt và thích ứng yếu tố đầu tiên của một sandbox hiệu quả. Quy trình phê duyệt nhiều tầng nấc, thời gian kéo dài và cơ chế phản hồi giữa doanh nghiệp và cơ quan quản lý còn hạn chế, khiến tốc độ đổi mới bị chậm lại. Bên cạnh đó, việc thiếu tính minh bạch và khả năng dự đoán trong quy trình xét duyệt làm giảm sức hấp dẫn của sandbox đối với doanh nghiệp FinTech và nhà đầu tư. Cuối cùng, sandbox hiện vẫn được triển khai tách biệt với các chương trình phát triển kinh tế số quốc gia, nên chưa thể hiện rõ vai trò là công cụ chính sách chiến lược trong chuyển đổi số tài chính.

Nhìn tổng thể, sandbox Việt Nam mới đáp ứng một phần yêu cầu về khung thử nghiệm có kiểm soát, nhưng còn

khoảng cách đáng kể để đạt được ba điều kiện nền tảng gồm tính linh hoạt, tính minh bạch và sự gắn kết chiến lược. Điều này lý giải vì sao cơ chế sandbox trong nước dù đã được thể chế hóa nhưng vẫn chưa tạo ra tác động lan tỏa rõ nét đối với hệ sinh thái đổi mới tài chính.

V. Kết luận và khuyến nghị

5.1. Kết luận

Từ việc tiếp cận cơ chế sandbox tài chính dưới góc nhìn kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn, nghiên cứu đã làm rõ bản chất, điều kiện vận hành và giá trị chính sách của mô hình này trong tiến trình đổi mới tài chính quốc gia. Sandbox không chỉ là một không gian thử nghiệm công nghệ mà còn là công cụ thể chế phản ánh tư duy điều tiết linh hoạt của Nhà nước trong bối cảnh kinh tế số.

Về bản chất, sandbox tài chính là một cơ chế thử nghiệm có kiểm soát, cho phép doanh nghiệp triển khai sản phẩm, dịch vụ mới trong phạm vi và thời gian giới hạn dưới sự giám sát có chủ đích của cơ quan quản lý. Cơ chế này thể hiện sự chuyển đổi từ mô hình “kiểm soát trước” sang “giám sát trong quá trình”, qua đó dung hòa giữa hai mục tiêu tương chừng đổi lập - thúc đẩy sáng tạo và bảo đảm an toàn hệ thống tài chính.

Kinh nghiệm từ Anh, Singapore, Úc và Hàn Quốc cho thấy sandbox trở nên hiệu quả khi được thiết kế linh hoạt, vận hành minh bạch và có thể dự đoán, đồng thời gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển quốc gia. Ở những quốc gia này, sandbox không chỉ thúc đẩy đổi mới sáng tạo mà còn là cơ chế giúp cơ quan quản lý thực hành điều tiết thích ứng (adaptive regulation), thông qua việc rút kinh nghiệm từ thực tiễn giám sát để hoàn thiện khung chính sách và nâng cao năng lực phản ứng thể chế.

Tại Việt Nam, việc ban hành Nghị định số 94/2025/NĐ-CP đánh dấu bước tiến quan trọng trong thể chế hóa sandbox tài chính, thể hiện sự chuyển dịch từ tư duy quản lý hành chính sang tiếp cận quản trị rủi ro theo nguyên tắc linh hoạt. Tuy nhiên, phạm vi áp dụng còn hẹp, quy trình phê duyệt kéo dài, cơ chế phối hợp liên ngành chưa hiệu quả và mức độ minh bạch còn hạn chế. Vì vậy, sandbox Việt Nam hiện mới hình thành về mặt pháp lý, song chưa phát huy đầy đủ chức năng thử nghiệm, phản biện và hỗ trợ điều chỉnh chính sách như kỳ vọng.

Để sandbox tài chính thực sự trở thành đòn bẩy đổi mới thể chế, Việt Nam cần mở rộng phạm vi thử nghiệm theo hướng đa lĩnh vực, hoàn thiện cơ chế phối hợp quản lý, tăng cường tính minh bạch, đồng thời gắn kết chặt chẽ với các mục tiêu phát triển tài chính, kinh tế số quốc gia. Việc chuyển hóa sandbox từ một mô hình thí điểm sang một công cụ chính sách chiến lược sẽ không chỉ hỗ trợ đổi mới sáng tạo mà còn góp phần củng cố năng lực cạnh tranh và khả năng thích ứng của hệ thống tài chính Việt Nam trong kỷ nguyên số.

5.2. Khuyến nghị

Trên cơ sở phân tích lý thuyết về điều tiết linh hoạt, kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn triển khai sandbox tài chính tại Việt Nam, có thể đề xuất một số khuyến nghị nhằm hoàn thiện cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong thời gian tới như sau:

Một là, mở rộng phạm vi áp dụng của sandbox theo hướng đa lĩnh vực

Thực tế Nghị định 94/2025/NĐ-CP hiện mới chỉ bao trùm ba lĩnh vực hẹp gồm P2P lending, chấm điểm tín dụng và Open API. Trong khi đó, kinh nghiệm quốc tế, điển hình là Anh và Singapore cho thấy sandbox thường được thiết kế theo hướng đa ngành, bao quát nhiều lĩnh vực tài chính số. Việc duy trì phạm vi hẹp như hiện nay dễ làm giảm sức hấp dẫn đối với nhà đầu tư, đồng thời hạn chế tác động lan tỏa của sandbox trong hệ sinh thái tài chính công nghệ. Điều này đặt ra là Việt Nam cần từng bước mở rộng sandbox sang các lĩnh vực khác như bảo hiểm số, chứng khoán điện tử, tài sản số dựa trên blockchain và regtech. Việc mở rộng này cần được thực hiện trên nguyên tắc phân tầng rủi ro, nghĩa là các lĩnh vực rủi ro thấp sẽ được xét duyệt nhanh chóng, còn những lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro cao phải trải qua quy trình giám sát chặt chẽ hơn.

Để đảm bảo tính khả thi, cần rà soát và cập nhật các văn bản pháp luật hiện hành nhằm bảo đảm tính thống nhất và tương thích giữa các lĩnh vực. Cụ thể, Luật Kinh doanh bảo hiểm (2022) nên xem xét bổ sung quy định cho phép doanh nghiệp triển khai sản phẩm thử nghiệm trên nền tảng công nghệ số; Luật Chứng khoán (2019) cần nghiên cứu cơ chế phát hành và giao dịch tài sản số phù hợp với xu hướng token hóa; Luật Giao dịch điện tử (2023) cần cụ thể hóa quy định về giá

trị pháp lý của dữ liệu, hợp đồng và tài sản điện tử trong hoạt động sandbox; và Luật Các tổ chức tín dụng (sửa đổi, 2024) cần hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa ngân hàng và doanh nghiệp công nghệ tài chính trong thử nghiệm các sản phẩm đổi mới. Việc điều chỉnh này không làm thay đổi nội dung cốt lõi của luật, mà nhằm tạo lập hành lang pháp lý đồng bộ và minh bạch, giúp sandbox vận hành hiệu quả trong môi trường pháp lý thống nhất.

Song song với đó, việc hình thành cơ sở dữ liệu tập trung phục vụ quản lý và chia sẻ thông tin thử nghiệm là cần thiết để hỗ trợ cơ quan quản lý trong việc theo dõi, đánh giá và kiểm soát rủi ro theo thời gian thực. Cơ sở dữ liệu này không chỉ phục vụ hoạt động giám sát, mà còn giúp tích lũy tri thức điều tiết từ thực nghiệm, góp phần hoàn thiện cơ chế quản lý linh hoạt và học hỏi thể chế trong lĩnh vực tài chính số.

Hai là, hoàn thiện cơ chế vận hành sandbox theo hướng linh hoạt, minh bạch

Hiệu quả của sandbox phụ thuộc vào mức độ linh hoạt và khả năng phản ứng chính sách của cơ quan quản lý. Kinh nghiệm từ Singapore với mô hình *Sandbox Express* cho thấy việc phân tầng quy trình xét duyệt theo mức độ rủi ro giúp rút ngắn thời gian xử lý mà vẫn đảm bảo kiểm soát an toàn. Trong khi đó, tại Việt Nam, quy trình xét duyệt theo Nghị định 94/2025/NĐ-CP còn nhiều tầng nấc và thiếu nền tảng quản lý dữ liệu thống nhất, dẫn đến chậm trễ và giảm sức hấp dẫn với doanh nghiệp đổi mới sáng tạo.

Vì vậy, cần chuyển cơ chế vận hành từ quản lý hành chính sang quản trị dựa trên dữ liệu, tích hợp toàn bộ quy trình nộp hồ sơ, giám sát và báo cáo thử nghiệm trên nền tảng số thống nhất. Việc số hóa này không chỉ tăng tính minh bạch và khả năng dự

đoán, mà còn giúp cơ quan quản lý theo dõi rủi ro theo thời gian thực. Đồng thời, cần tăng cường năng lực chuyên môn của đội ngũ giám sát, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ số, blockchain và dữ liệu lớn, để đảm bảo sandbox trở thành một môi trường thử nghiệm thực chất, an toàn và thích ứng với tốc độ đổi mới của FinTech.

Ba là, bảo đảm nguyên tắc bảo vệ người tiêu dùng trong thiết kế sandbox.

Bảo vệ người tiêu dùng là một trong những trụ cột của điều tiết tài chính hiện đại, đặc biệt trong môi trường thử nghiệm đổi mới có rủi ro cao như sandbox. Theo lý thuyết điều tiết dựa trên rủi ro, cơ quan quản lý cần thiết kế các cơ chế giám sát hướng tới giảm thiểu tổn thất cho người dùng thay vì chỉ xử lý hậu quả. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, nhiều mô hình sandbox đã mất tính chính danh khi bị coi như “vùng miễn trừ pháp lý”, khiến khách hàng chịu rủi ro lớn do thiếu minh bạch và cơ chế bồi thường rõ ràng.

Thực tiễn Việt Nam cũng đặt ra thách thức tương tự khi các sản phẩm fintech ngày càng xử lý lượng dữ liệu nhạy cảm và tài sản tài chính lớn, trong khi khung pháp lý về bảo vệ người tiêu dùng tài chính và dữ liệu cá nhân vẫn còn phân tán. Do đó, cần xác lập cơ chế bảo vệ đa tầng, bao gồm quy định giới hạn quy mô khách hàng tham gia, nghĩa vụ minh bạch thông tin, và trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp trong trường hợp rủi ro xảy ra. Đồng thời, việc hoàn thiện khung pháp lý về bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền lợi người tiêu dùng tài chính số là yêu cầu cấp thiết, đòi hỏi sự phối hợp giữa Bộ Công Thương, Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ trong giám sát, chia sẻ dữ liệu và xử lý vi phạm. Cách tiếp cận này giúp duy trì niềm tin xã hội đối với sandbox,

vừa bảo vệ lợi ích của người sử dụng, vừa củng cố tính bền vững của hệ thống tài chính trong quá trình đổi mới.

Bốn là, lồng ghép sandbox vào các chiến lược phát triển quốc gia.

Một công cụ thể chế như sandbox chỉ phát huy giá trị bền vững khi được đặt trong tổng thể chiến lược quốc gia về tài chính và chuyển đổi số. Kinh nghiệm từ Singapore và Hàn Quốc cho thấy sandbox trở thành động lực phát triển khi được gắn trực tiếp với chiến lược trung tâm tài chính quốc tế và kế hoạch kinh tế số. Ngược lại, ở Việt Nam, cơ chế sandbox theo Nghị định 94/2025/NĐ-CP hiện vẫn chủ yếu do Ngân hàng Nhà nước quản lý, thiếu sự phối hợp liên ngành và chưa được tích hợp trong các chương trình tầm quốc gia.

Do đó, cần xác định sandbox là cấu phần chính thức trong các chiến lược phát triển, đặc biệt là *Chiến lược Tài chính đến năm 2030, Chiến lược quốc gia về kinh tế số và xã hội số*, và *Đề án phát triển trung tâm tài chính quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh*. Việc lồng ghép này không chỉ giúp thống nhất mục tiêu và nguồn lực, mà còn tạo nền tảng để các sáng kiến FinTech, InsurTech hay RegTech được triển khai trong môi trường chính sách đồng bộ, nhất quán.

Để triển khai hiệu quả, cần hình thành cơ chế điều phối liên ngành giữa Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cùng Bộ Công Thương và Bộ Khoa học và Công nghệ. Cơ chế này đóng vai trò kết nối chính sách, chia sẻ dữ liệu, đồng thời bảo đảm sandbox vận hành hài hòa với các mục tiêu vĩ mô về ổn định tài chính, đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững.

Cách tiếp cận này sẽ giúp sandbox Việt Nam không chỉ là công cụ thử nghiệm

công nghệ, mà còn là đòn bẩy thể chế thúc đẩy năng lực cạnh tranh quốc gia trong tiến trình chuyển đổi số tài chính.

Năm là, tăng cường hợp tác quốc tế trong vận hành sandbox.

Trong bối cảnh đổi mới tài chính mang tính toàn cầu, sandbox không thể vận hành hiệu quả nếu thiếu hợp tác quốc tế về thể chế, dữ liệu và giám sát rủi ro xuyên biên giới. Theo lý thuyết điều tiết hợp tác (collaborative regulation), các cơ quan quản lý cần chia sẻ thông tin và kinh nghiệm để bảo đảm tính tương thích của khung pháp lý, nhất là với những mô hình công nghệ tài chính có phạm vi hoạt động vượt biên giới quốc gia. Kinh nghiệm từ Anh, Singapore và Liên minh châu Âu cho thấy việc tham gia các mạng lưới quốc tế như *Global Financial Innovation Network (GFIN)* đã giúp cơ quan quản lý không chỉ trao đổi thực tiễn điều tiết mà còn thúc đẩy hình thành các chuẩn giám sát chung trong lĩnh vực FinTech và tài sản số.

Đối với Việt Nam, việc hội nhập quốc tế trong vận hành sandbox vẫn còn hạn chế, chủ yếu dừng ở trao đổi song phương. Để bắt kịp xu hướng, cần tăng cường tham gia các sáng kiến quốc tế về đổi mới tài chính, thiết lập đối thoại chính sách thường xuyên với các tổ chức như OECD, IMF và Ngân hàng Thế giới, đồng thời đẩy mạnh hợp tác kỹ thuật với các cơ quan quản lý tiên tiến như FCA (Anh), MAS (Singapore) hay ASIC (Úc). Trọng tâm của hợp tác cần hướng tới chuẩn hóa cơ chế chia sẻ dữ liệu thử nghiệm và phối hợp giám sát xuyên biên giới, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp FinTech Việt Nam tham gia thị trường quốc tế mà vẫn đảm bảo tuân thủ quy định trong nước.

Để thực thi hiệu quả, Chính phủ cần hoàn thiện khung pháp lý cho phép trao

đổi thông tin và công nhận kết quả thử nghiệm giữa các cơ quan quản lý, đồng thời tăng cường năng lực ngoại giao tài chính và nguồn lực ngân sách dành cho hợp tác quốc tế. Cách tiếp cận này không chỉ giúp Việt Nam học hỏi kinh nghiệm điều tiết từ các quốc gia tiên tiến, mà còn định vị sandbox như một phần của chiến lược hội nhập thể chế trong kỷ nguyên kinh tế số toàn cầu.

Những khuyến nghị trên không chỉ có ý nghĩa hoàn thiện khung thể chế cho sandbox tài chính tại Việt Nam, mà còn mở ra hướng nghiên cứu tiếp theo nhằm đánh giá sâu hơn hiệu quả, phạm vi ứng dụng và khả năng hội nhập quốc tế của cơ chế này trong giai đoạn tới.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Arner, D. W., Barberis, J., & Buckley, R. P. (2017). FinTech and RegTech: Enabling innovation while preserving financial stability. *Georgetown Journal of International Affairs*, 18(3), 47-58.
- [2]. Armstrong, A., Bailey, J., & Rees, R. (2019). Regulatory sandboxes: Global developments and policy perspectives. *Journal of Financial Regulation*, 5(2), 85-110. <https://doi.org/10.1093/jfr/fjz009>
- [3]. Baldwin, R., Cave, M., & Lodge, M. (2012). *Understanding regulation: Theory, strategy, and practice* (2nd ed.). Oxford University Press.
- [4]. Chính phủ Việt Nam. (2025). *Nghị định số 94/2025/NĐ-CP về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực công nghệ tài chính*. Hà Nội: Văn phòng Chính phủ.
- [5]. CIEM. (2022). *Báo cáo thường niên Kinh tế Việt Nam 2022*. Hà Nội: Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương.
- [6]. Financial Conduct Authority. (2015). *Regulatory sandbox*. FCA. <https://www.fca.org.uk/publication/research/regulatory-sandbox.pdf>
- [7]. Financial Conduct Authority. (2017). *Regulatory sandbox lessons learned report*. FCA. <https://www.fca.org.uk/publication/research-and-data/regulatory-sandbox-lessons-learned.pdf>
- [8]. Jorion, P. (2007). *Value at risk: The new benchmark for managing financial risk* (3rd ed.). McGraw-Hill.
- [9]. Lee, J. (2021). Korea's financial regulatory sandbox: Early outcomes and policy implications. *Asian Journal of Law and Economics*, 12(1), 33-52. <https://doi.org/10.1515/ajle-2020-0056>
- [10]. Monetary Authority of Singapore. (2016). *FinTech regulatory sandbox guidelines*. MAS. <https://www.mas.gov.sg/regulation/sandbox>
- [11]. Monetary Authority of Singapore. (2019). *Sandbox Express*. MAS. <https://www.mas.gov.sg/news/media-releases/2019/mas-launches-sandbox-express-for-fintech-experiments>
- [12]. North, D. C. (1990). *Institutions, institutional change and economic performance*. Cambridge University Press.
- [13]. OECD. (2020). *The regulatory sandbox in financial services*. OECD Publishing. <https://doi.org/10.1787/3a9b8f2e-en>
- [14]. Schumpeter, J. A. (1934). *The theory of economic development*. Harvard University Press.
- [15]. Tan, J., & Low, K. (2020). Singapore's FinTech regulatory sandbox: Balancing innovation and regulation. *Journal of Banking Regulation*, 21(3), 237-252. <https://doi.org/10.1057/s41261-019-00104-5>
- [16]. World Bank. (2020). *Regulatory sandboxes and innovation hubs: Tools for financial inclusion?* Washington, DC: World Bank Group.

FINANCIAL SANDBOX: INTERNATIONAL EXPERIENCES AND RECOMMENDATIONS FOR VIETNAM

Nguyen Phuong Nga¹

Abstract: *The study analyzes the financial sandbox as a flexible policy instrument that balances innovation promotion and regulatory supervision in the financial sector. Based on theoretical frameworks on innovation, adaptive regulation, risk management, and public policy, the paper examines sandbox implementation experiences in the UK, Singapore, Australia, and South Korea-pioneering jurisdictions in this field. The findings indicate that an effective sandbox requires three essential conditions: (i) a flexible and adaptive design; (ii) transparent and predictable processes; and (iii) close alignment with national development strategies. The study reviews the development of Vietnam's financial sandbox, from its initial concept in 2019 to the promulgation of Decree No. 94/2025/ND-CP, the first regulatory framework for FinTech experimentation covering P2P lending, Open API, and credit scoring services. Based on international comparisons and Vietnam's context, the paper proposes policy recommendations to expand the sandbox's scope, improve operational flexibility, enhance consumer protection, and strengthen supervisory capacity. These recommendations aim to position the sandbox as a strategic policy tool that supports digital financial innovation and national competitiveness in the era of digital transformation.*

Keywords: *financial sandbox, innovation, fintech, financial policy, Vietnam*

¹ Hanoi Financial and Banking University